

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày 05 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Yến Nhi, ông Lâm Thông Lợi và ông Hứa Hoàng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Như Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lộc và ông Hoàng Hiến - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thanh T (còn có tên gọi khác là B), sinh năm 1968 tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Sóng lang thang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh H và bà Võ Thị S (đã chết); vợ là Phan Thị Kim L; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/6/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 12 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”, chấp hành xong ngày 29/4/2016;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

2. Phạm Lê Minh T1, sinh ngày 18/5/1998 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Phạm Ngọc Đ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Thanh T:* ông Phan Văn Đ1 là Luật sư Văn phòng luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: số A, lô F đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Phạm Văn N1, sinh năm 1982 (đã chết) (là bị hại trong vụ “Giết người”)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Văn N1:* Bà Phạm Kim N2, sinh năm 1985; là em ruột của bị hại; nơi cư trú: Số B ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Huỳnh Thanh T (B), sinh năm 1968 (là bị hại trong vụ “Cướp tài sản” cũng là bị cáo trong vụ án).

- *Người làm chứng:* Trần Thị Thu P, Huỳnh Thị HỒng N3, Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị Thanh T2, Trần Thị Khả Á, Trần Thanh P1, Đỗ Thanh S1, Nguyễn Trung H1, Đặng Minh S2, Lê Văn Đ2, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T3, Nguyễn Hải H2, Đặng Văn B1, Phạm Ngọc Đ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 01/5/2024, Huỳnh Thanh T (B), Phạm Văn N1 (cùng sống lang thang) ngồi uống rượu. Đến khoảng 03 giờ ngày 02/5/2024, Phạm Lê Minh T1 (bạn của N1) đến ngồi chơi. Lúc này, N1 thấy T lấy tiền trong bóp ra đếm nên rủ T1 cùng cướp tiền của T, thì T1 đồng ý. Khoảng 04 giờ cùng ngày, T, N1 nghỉ uống rượu, cùng đi bộ hướng về C thuộc khóm B, phường M, thành phố L. Khi đi đến đường P thuộc phường M, thành phố L, N1 bất ngờ đi đến dùng tay phải câu cổ, dùng tay trái ôm chặt bụng của T, để T1 dùng tay móc túi quần của T lấy 01 cái bóp, bên trong có 800.000 đồng rồi bỏ chạy. Sau khi lấy bóp tiền, T1 đến khu vực chợ L2, phường M, thành phố L lấy 800.000 đồng, rồi ném bỏ cái bóp gần đó. Riêng, T và N1 tiếp tục đi bộ về C tìm nơi mắc võng để ngủ. Trên đường đi, T tức giận việc N1 đã cấu kết với T1 cướp tiền nên nảy sinh ý định giết N1. Để thực hiện, T lấy 01 cây dao Thái Lan dài khoảng 16cm (cán bằng nhựa dài khoảng 09cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 07cm, mũi nhọn, sắc) đã cất giấu trước đó, cầm trên tay phải đi đến gốc cây nguyệt quế, thấy N1 đang ngồi trên võng, T cầm dao bằng tay phải đâm 01 nhát vào vùng bụng của N1, rồi bỏ đi và ném bỏ cây dao xuống sông. Sau khi bị đâm, N1 xuống võng đi được khoảng 20m thì ngã quỵ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, ông Lê Văn Đ2 tập thể dục ở công viên, thấy N1 đang nằm dưới bãi cỏ nên trình báo Công an phường M đến đưa N1 về trụ sở làm việc thì phát hiện N1 đã chết. Ngày 03/5/2024, ngày 05/5/2024, T và T1 lần lượt ra đầu thú.

* *Kết luận giám định tử thi số 97/24/KLGĐTT-TTPY ngày 04/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Phạm Văn N1, sinh năm 1982:*

1. Các kết quả chính: Niêm mạc hai mắt nhợt nhạt. Vết thương hình cung giữa cung mày trái, bờ sắc gọn, kích thước (1,2 x 0,2)cm. Vết thương khoe môi trái dài 01cm. Vết thương vùng thượng vị lệch trái, hình khe, bờ sắc gọn, cách đường giữa bụng 02cm - cách trên rốn 11cm, kích thước (1,2 x 0,3)cm, khép vết thương dài 1,4cm, góc trên nhọn - góc dưới tù. Hướng xiên phải, từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Bầm tụ máu dưới da tương ứng vết thương bên ngoài. Ổ bụng nhiều máu loãng khoảng 2500ml. Vết thương thấu bụng thủng phúc mạc, xuyên ngang mặt sau động mạch - mạc treo hồng tràng, kèm xung quanh bầm tụ máu kích thước (06 x 05)cm.

2. Kết luận: Nguyên nhân chết: Sốc mất máu cấp do vết thương thấu bụng, thủng động mạch - mạc treo hồng tràng. Kết luận khác: Lao phổi.

* *Kết luận giám định số 642/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A, kết luận:* Vết màu nâu trên thân cây nguyệt quế là máu người, thuộc nhóm máu B. Vết màu nâu vị trí số 01 là máu người, thuộc nhóm máu B. Vết màu nâu vị trí số 02 là máu người, thuộc nhóm máu B. Vết màu nâu dính trên áo thun màu đen gửi giám định là máu người, thuộc nhóm máu B. Máu của nạn nhân Phạm Văn N1, sinh năm 1982 thuộc nhóm máu B.

* *Kết luận giám định số 899/KL-KTHS ngày 13/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A, kết luận:* Dấu vân tay in trên bộ D1 bản, Chỉ bản lập ngày 04/5/2024 tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A viết tên B, trong vụ án Giết người phát hiện ngày 02/5/2024 tại C thuộc khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, ký hiệu TLCGD: A so với dấu vân tay in trên bộ D1 bản, Chỉ bản số LV0003, lập ngày 06/02/2007 tại Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp viết tên Huỳnh Thanh T, sinh năm 1968, nơi ĐKNKTT: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, ký hiệu TLMSS: M là của cùng một người in ra.

* *Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 200/2024/KLGĐ ngày 18/6/2024 và Công văn số 200.0/PYTT ngày 18/6/2024 của Trung tâm P2 đối với Huỳnh Thanh T (B):* Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71 - ICD10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. – Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm gây án và hiện tại: Đang sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

Cáo trạng số 119/CT-VKSAG-P2 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Huỳnh Thanh T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Lê Minh T1 về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay,

Các bị cáo Huỳnh Thanh T và Phạm Lê Minh T1 trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Riêng T không yêu cầu T1 bồi thường số tiền đã bị cướp.

Bà Phạm Kim N2 là người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Văn N1 trình bày: Yêu cầu bị cáo Huỳnh Thanh T bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 60.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội: Giữ nguyên truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Về trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Huỳnh Thanh T (B) từ 16 năm tù đến 18 năm tù về tội “Giết người”. Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Lê Minh T1 từ 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Huỳnh Thanh T phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 60.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng thu giữ trong vụ án không còn giá trị sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thanh T có Luật sư Phan Văn Đ1 trình bày: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh. Tuy nhiên, về mức án, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét xử phạt bị cáo mức án phù hợp hơn do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đầu thú. Bị cáo phạm tội do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra nên tinh thần bị cáo bị kích động mạnh, bị cáo tức giận đâm 01 nhát chửi bị cáo không cố ý phạm tội đến cùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội, bị cáo không điều khiển được hành vi. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có thể xử phạt dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề xuất cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố và nhận thức được việc làm sai trái của bản thân, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sự có mặt của đương sự: Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, giải quyết vụ án; mặt khác những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước phiên tòa. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xác định tư cách tham gia tố tụng đối với Huỳnh Thanh T: Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đưa ra xét xử Huỳnh Thanh T về tội “*Giết người*” theo Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, căn cứ Điều 61 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Huỳnh Thanh T là bị cáo. Đồng thời, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang cũng đưa bị cáo Phạm Lê Minh T1 ra xét xử về hành vi “*Cướp tài sản*”, T1 cùng với N1 đã có hành vi dùng vũ lực cướp 800.000 đồng của Huỳnh Thanh T, căn cứ Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Huỳnh Thanh T cũng là người bị hại trong vụ án

Về nội dung vụ án:

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Theo đó, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/3/2023; Kết luận giám định tử thi số 97/24/KLGĐTT-TTPY ngày 04/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A; Kết luận giám định số 642/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A và Kết luận giám định số 899/KL-KTHS ngày 13/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A. Ngoài ra, nó còn phù hợp với lời khai của bị hại Huỳnh Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Khoảng 04 giờ ngày 02/5/2024, tại khu vực đường P thuộc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, Phạm Lê Minh T1 cùng với Phạm Văn N1 đã có hành vi dùng vũ lực cướp 800.000 đồng của Huỳnh Thanh T. Tức giận vì bị T1, N1 cướp tiền nên khi đi đến C thuộc khu vực phường M, thành phố L, T đã có hành vi dùng dao đâm 01 nhát vào vùng bụng dẫn đến cái chết của N1.

Căn cứ pháp luật, hành vi nêu trên của các bị cáo:

- Huỳnh Thanh T đã phạm vào tội “*Giết người*” được quy định và trừng phạt tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình (tội phạm đặc biệt nghiêm trọng).

- Phạm Lê Minh T1 đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*” được quy định và trừng phạt tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; có mức hình phạt từ 06 tháng đến 05 năm (tội phạm rất nghiêm trọng).

[5] Xét về tính chất vụ án thì thấy:

[5.1] Hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm hại đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của người bị hại; mà còn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

[5.2] Đối với bị cáo Huỳnh Thanh T, mặc dù không xem là tiền án nhưng bản thân bị cáo đã từng vi phạm pháp luật. Lẽ ra, sau khi chấp hành xong hình phạt trở về, bị cáo phải lấy đó làm bài học để cố gắng lao động, cải tạo, tu dưỡng bản thân trở thành một công dân có ích cho xã hội. Thế nhưng, bị cáo đã lựa chọn cuộc sống mưu sinh lang thang. Khi bị T1 và N1 cấu kết cướp tiền, bị cáo đã không kiềm chế bản thân, tức giận dùng dao đâm chết người bị hại. Điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật Nhà nước, xem nhẹ tính mạng người khác của bị cáo. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm để trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng chống tội phạm.

[5.3] Đối với bị cáo Phạm Lê Minh T1, là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức để phân biệt đúng, sai, việc nào nên làm và không nên làm. Với bản tính lười lao động, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã cấu kết với N1 để cướp tiền của T. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn là nguyên nhân dẫn đến việc T ra tay sát hại N1 để trả thù. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

[5.4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, có xem xét cho các bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, không có học vấn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; sau khi xảy ra sự việc, các bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú. Đối với bị cáo T, bản thân bị cáo là người nghiện rượu nên cũng bị hạn chế về năng lực điều khiển hành vi và trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra. Do vậy, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự trong khi lượng hình; riêng đối với bị cáo T được áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Đối với tội “Giết người”: Bị cáo Huỳnh Thanh T là người trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại thì bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Kim N2 là người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 60.000.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu. Xét thấy, sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp, không vi phạm pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 60.000.000 đồng do chị Phạm Kim N2 đại diện nhận.

[6.2] Đối với tội “Cướp tài sản”: Huỳnh Thanh T không yêu cầu T1 bồi thường số tiền tiền đã cướp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ một số vật dụng rẻ tiền, không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với Phạm Văn N1 đã có hành vi cùng Phạm Lê Minh T1 dùng vũ lực cướp 800.000 đồng của Huỳnh Thanh T là vi phạm pháp luật. Nhưng N1 đã bị T dùng dao đâm chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A không khởi tố N1 về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo đã bị kết án buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “Giết người”, bị cáo Phạm Lê Minh T1 phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm e, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03/5/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Lê Minh T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/5/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 370, Điều 584, Điều 585; Điều 586; Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại. Buộc bị cáo Huỳnh Thanh T có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) cho đại diện hợp pháp của bị hại do chị Phạm Kim N2 đại diện nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi giấy chứa 02 que tăm bông; 03 (ba) túi giấy chứa mảnh gạc y tế; 01 (một) áo thun màu đen, ngắn tay (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A với Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Huỳnh Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 3.200.000 đồng

(ba triệu hai trăm ngàn đồng); bị cáo Phạm Lê Minh T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Tòa Hình sự; Văn phòng; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng